

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(*Lược dẫn*: Sau khi bán mình cho Mã Giám Sinh để lấy tiền chuộc cha và em trai, gia đình tạm yên ổn, lúc này sóng gió nổi lên trong lòng Kiều. Khi cả nhà đã yên giấc ngủ, Kiều đối diện với ngọn đèn và nghĩ về Kim Trọng. Đoạn trích dưới đây nói về nỗi niềm của Kiều khi phụ tình chàng Kim).

*Việc nhà đã tạm thông dong,
Tinh kỳ¹ giục già đã mong trở về.
Một mình nàng, ngọn đèn khuya,
Áo dầm giọt lệ, tóc se mối sầu.
“Phận dâu, dầu vậy cũng dâu,
Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời!
Công trình kể biết mấy mươi,
Vì ta khăng khít, cho người dở dang.
Thề hoa chưa ráo chén vàng,
Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa!
Trời Liêu² non nước bao xa,
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!
Biết bao duyên nợ thề bồi,
Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì?
Tái sinh chưa dứt hương thề,
Làm thân trâu ngựa³ đền nghì trúc mai⁴.
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống tuyền đài⁵ chưa tan!”*

(Trích từ câu 693-710 phần *Gia biến và lưu lạc*, *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, NXB Văn Nghệ, 2007, tr.55-56)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định người kể chuyện trong đoạn trích.

Câu 2. Đoạn trích trên đã sử dụng hình thức ngôn ngữ nào?

Câu 3. Nêu hiệu quả biểu đạt của phép đối được sử dụng trong câu thơ:

“Áo dầm giọt lệ, tóc se mối sầu”.

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ:

“Công trình kể biết mấy mươi,
Vì ta khăng khít, cho người dở dang” ?

Câu 5. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích tâm trạng của Thúy Kiều trong đoạn trích trên.

II. VIẾT (5,0 điểm)

Dựa vào kiến thức đã học về tác giả Nguyễn Du, tác phẩm *Truyện Kiều*, anh/chị hãy thuyết minh về đoạn trích trên.

-----Hết-----

¹ *Tinh kỳ*: là giờ dẫn hôn. Sách nói: *Hôn giá kiến tinh nhi hành*: đám cưới trông thấy sao mọc mới rước dâu, nghĩa là cưới về đêm.

² *Trời Liêu* là nói đất Liêu Dương, chỗ Kim Trọng đi hộ tang chú.

³ Chuyện luân hồi: Hết nợ ai kiếp này không trả được, thì kiếp sau sinh là trâu hay ngựa ở nhà người có nợ, để đến trả cho xong.

⁴ *Trúc mai*: nói về tình nghĩa giao kết, cũng như cây trúc, cây mai vẫn làm bạn với nhau

⁵ *Tuyền đài*: là dưới âm phủ, cũng như nói *dạ đài* hay *hoàng tuyền*

ĐÁP ÁN ĐỀ KTĐG GIỮA KÌ II MÔN: NGỮ VĂN 11
NĂM HỌC 2024-2025

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5.0
	1	Tác giả Nguyễn Du.	0.5
	2	Ngôn ngữ của người kể chuyện ; Ngôn ngữ độc thoại nội tâm của Kiều	0.5
	3	- Đối lập: <i>Áo dầm giọt lệ > < tóc se mối sầu</i> - Tác dụng: + Về nội dung: Nhấn mạnh, làm nổi bật tâm trạng đau khổ tột cùng của Kiều + Về nghệ thuật: nhấn mạnh ý, tạo sự cân xứng, hài hòa, tạo nhịp điệu hài hòa từ đó làm tăng hiệu quả biểu đạt.	1.0
	4	- Thúy Kiều mang nặng mặc cảm là người có lỗi. Nàng luôn nghĩ cho người khác. Nàng tự trách mình yêu thương, khăng khít, khiến Kim Trọng dở dang trong tình duyên.	1.0
	5	a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> c. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Gợi ý: - Xót xa, nuối tiếc khi tình yêu đầu đời của mình đang độ đẹp nhất đã tan vỡ. “ <i>Phận dầu, dầu vậy cũng dầu / Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời</i> ” - Tâm trạng đau khổ khi mang mặc cảm phụ tình chàng Kim, thương cho chàng Kim nàng tự nhận lỗi về mình “ <i>Vì ta khăng khít, cho người dở dang</i> ” - Kiều chỉ biết mong đợi một kiếp sau sẽ “ <i>làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai</i> ”. → Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn giàu đức hi sinh của Kiều, từ đó thấy được sự đồng cảm, xót xa của nhà thơ dành cho nhân vật. d. <i>Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề, có cách diễn đạt mới mẻ.	2.0
II		VIẾT	5.0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài thuyết minh</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0.25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Thuyết minh về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của đoạn trích	0.5
		c. <i>Triển khai vấn đề thuyết minh thành các luận điểm</i> Bài viết phải thể hiện được tính ngắn gọn, chính xác, khoa học và phù hợp với đối tượng thuyết minh; có các yếu tố hỗ trợ để tăng tính hấp dẫn, đảm bảo các yêu cầu sau:	3.5
		- Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, đoạn trích. <u>Thân bài:</u> - Giới thiệu ngắn gọn về con người, sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du (thông tin cơ bản về tiểu sử và vị trí của ông trong nền văn học dân tộc) - Giới thiệu tác phẩm Truyện Kiều (Nguồn gốc, thể loại, giá trị của tác phẩm)	

	- Vị trí đoạn trích, tóm tắt nội dung cốt truyện cho tới trước đoạn trích) - Trình bày giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của đoạn trích: + Giá trị tư tưởng: Giá trị nhân đạo thể hiện trong đoạn trích thông qua tâm trạng đau đớn, mặc cảm của Kiều vì phụ tình chàng Kim, Nguyễn Du đã thể hiện sự đồng cảm, xót xa cho số phận bị vùi dập của Kiều; lên án, tố cáo xã hội phong kiến bất công; ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn giàu đức hi sinh của Kiều, trích thơ minh họa) + Giá trị nghệ thuật: sự hài hòa giữa ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân trong việc vận dụng kết hợp linh hoạt với các ca dao, thành ngữ, điển tích, điển cố ; Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua diễn biến nội tâm; Bộc lộ nội tâm nhân vật bằng cách vận dụng ngôn ngữ độc thoại + HS biết sử dụng linh hoạt các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận,... trong bài văn thuyết minh - Kết bài: Khẳng định đóng góp của đoạn trích/ tác phẩm cho nền văn học	
	d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
	e. <i>Sáng tạo:</i> Thể hiện trọng tâm và thuyết phục về vấn đề thuyết minh; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
Tổng điểm		10.0